TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Pc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung.

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Dũng;

Ông Lê Văn Rẽn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông T Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thảo Nguyên- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 và ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nH dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Long P, xã Long K, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Thuận C, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Trương Hoàng K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Long P, xã Long K, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Chị T và anh K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K trước khi chung sống đều có vợ có chồng, nhưng đã ly hôn. Qua mai mối nên chị T và anh K quen biết và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, chị T ở bên gia đình anh K ấp Long P, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu. Trong thời gian chung sống chị T đưa người con riêng tên Cao Nguyễn Mộng T sinh ngày 18/3/2014 về ở cùng chị và anh K tại nhà cha mẹ chồng. Do thời gian và công việc không tiện chăm sóc con riêng, nên cha mẹ chồng là ông Bvà bà N chăm sóc, nuôi dưỡng và hàng ngày đưa rước đi học như cháu ruột trong gia đình.

Chị T và anh K sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế gia đình sống không hạnh phúc, chị T đã nộp đơn ly hôn anh K hồi tháng 6/2019, nhưng đã rút đơn đoàn tụ lại, tháng 9/2019 được cha mẹ chồng cho ra ở riêng trên đất của cha mẹ chồng ở ấp Long Cường, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu. Đến tháng 5/2020 chị và anh K tiếp tục phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến, lời qua tiếng lại, không tôn trọng nhau anh K đánh chị và được công an phụ trách ấp đến giải quyết, sau đó chị về nhà cha mẹ ruột ở và ly thân từ ngày 06/6/2020 cho đến nay. Từ ngày ly thân, chị và anh K không có hàn gắn đoàn tụ lại được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh K.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K chung sống có một người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 23/4/2018 hiện đang ở chung với anh K và cha mẹ chồng từ ngày ly thân đến nay. Trong thời gian chị và anh K ở chung, do công việc nên chị và anh K giao con chung của anh chị cho cha mẹ chồng là ông B bà N chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi con chung được 16 tháng tuổi đến nay. Từ ngày ly thân, chị có đến thăm hỏi con chung, nhưng không gặp nên chị không hỗ trợ tiền bạc cho anh K nuôi con. Nay ly hôn, do chị là mẹ và con chung tên Trương Gia H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị T tranh chấp về tài sản chung với anh K, nhưng sau đó tự thương lượng giải quyết. Ngày 19/8/2020 chị T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, Tòa án đình chỉ giải quyết chia tài sản chung trong hôn nhân giữa chị T và anh K.

Về nợ chung: Chị T xác định, chị và anh K có nợ chị Trương Thị Quí A số tiền 17.500.000 đồng. Chị T và anh K đã trả xong, ngoài ra không còn nợ ai khác.

Bị đơn- anh Trương Hoàng K trình bày:

Về quan hệ hôn nH: Về cơ sở hôn nH, thời gian chung sống đăng ký kết hôn, ly thân đúng như chị T trình bày. Trong thời gian chung sống, anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong cư xử hàng ngày, chị T xúc phạm anh và cha mẹ của anh, nên anh có đánh chị T là đúng. Từ ngày ly thân, anh và chị T không có giải pháp hàn gắn toàn tụ được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T chung sống có một người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 23/4/2018 do anh trực tiếp nuôi dưỡng từ ngày chị T bỏ nhà đi đến nay, hiện con chung bác sĩ chẩn đoán bệnh viêm phổi tắt nghẽn (hồ sơ bệnh án đã cung cấp cho Tòa án) nên cần anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đến khi con anh đủ 07 tuổi, chị T yêu cầu nuôi con chung thì anh tôn trọng ý kiến của con. Mặc khác, hiện nay chị T đang nuôi con riêng tên Cao Nguyễn Mộng Tranh 06 tuổi, sinh ngày 18/3/2014 còn nhỏ. Chị T làm công nhân, giờ giấc không ổn định, nên thời gian gần gũi chăm sóc con chung không nhiều bằng anh. Do đó, nay ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh K xác định, giữa anh và chị T đã thỏa thuận xong và chị T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, Tòa án đình chỉ giải quyết chia tài sản chung trong hôn nhân giữa anh K và chị T.

Về nợ chung: Anh và chị T có nợ chị Trương Thị Quí Anh số tiền 17.500.000 đồng, nhưng đã trả xong, ngoài ra không còn nợ ai khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nH và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trương Hoàng K.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 23/4/2018 cho anh K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trương Hoàng K, do chị T là người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện.

- Về nợ chung: Chị T và anh K đã trả cho chị Trương Thị Quí Anh xong, ngoài ra không còn nợ ai khác nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Anh Trương Hoàng K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn anh Trương Hoàng K có địa chỉ ấp Long P, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 7 năm 2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Chị T và anh K đều đã có vợ có chồng, đã ly hôn. Sau thời gian chị T và anh K tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn đoàn tụ lại.

Quá trình chung sống, tình cảm giữa chị và anh K thường xuyên mâu thuẫn kéo dài, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và xúc phạm nhau, nên cuộc sống hôn nhân của hai anh chị không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị T và anh K không có giải pháp đoàn tụ. Chị T yêu cầu ly hôn, anh K đồng ý đều phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh K.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có một người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 23/4/2018, anh K đang trực tiếp nuôi dưỡng từ ngày chị T bỏ đi đến nay. Khi ly hôn chị T và anh K đều yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi nộp đơn ly hôn lần đầu vào tháng 06/2019, trong thời gian chờ Tòa án giải quyết thì Trương Gia H là con chung sống với chị T. Anh K có đến thăm con nhưng bị mẹ của chị T là bà Nguyễn Thị L ngăn cản không cho gặp con mà còn có lời lẽ xúc phạm anh K, việc này anh K có trình báo lên Công an xã để được giải quyết. Ngoài ra, trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng cháu H thì cháu có bị bệnh tuy nhiên chị T và gia đình chị T không kịp thời đưa cháu đi khám mà người đưa cháu đi khám bệnh, chăm sóc, chi trả tiền viện phí, thuốc men là anh K và gia đình anh K. Cho thấy trong quá trình nuôi dưỡng cháu H, do chị T đi làm ít khi ở nhà không có thời gian chăm sóc cháu H, mặc khác chị T còn đang nuôi 01 con riêng là cháu T, đang sống chung với cha mẹ ruột mà cha mẹ không có thu nhập ổn định nên cuộc sống có khó khăn.

Qua lời trình bày của người dân địa phương thì gia đình bà L, ông Nguyễn Văn T ở địa phương không qua lại với ai, bà L là người trực tiếp nuôi con của chị T, người dân thấy bà L bỏ bê cháu và không quan tâm như mọi gia đình xung quanh, hay có lời lẽ xúc phạm người khác, gia đình thường xuyên xảy ra xung đột. Chị T đi làm xí nghiệp lương khoảng 6.000.000 đồng/tháng thời gian làm việc không ổn định. Tại phiên tòa chị xác định chị làm theo ca (làm ca sáng từ 06 giờ sáng đến14 giờ chiều, làm ca chiều từ 14 giờ đến 01 giờ sáng) nên ít khi ở nhà, không trực tiếp nuôi dưỡng và gần gũi, chăm sóc con, một phần chị T cũng đang nuôi một người con còn nhỏ, nếu giao Trương Gia H cho chị T nuôi, chị T phải nuôi 02 người con nhỏ mọi chi phí T trải thường ngày sẽ khó khăn nhiều hơn.

Mặc khác khi cháu H 16 tháng tuổi thì cha mẹ anh K là ông Trương Văn B, bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian nuôi dưỡng ông B, bà N chăm sóc cháu H rất tốt, giáo dục, tạo môi trường lành mạnh cho cháu phát triển. Ngoài ra, gia đình anh K là gia đình văn hóa, ông B là cán bộ hưu trí đảng viên, giáo dục tốt, gia đình nề nếp, sống hòa đồng chưa có tranh chấp gì với mọi người, anh K cũng là công dân tốt, đạo đức tốt chưa từng bị xử

phạt gì, chịu khó làm ăn, nhà anh K có ruộng đất có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc tốt cho cháu H hơn.

Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nhưng thực tế cho thấy trong thời gian chờ Tòa giải quyết ly hôn chị T chăm sóc cháu H không tốt, không dành thời gian gần gũi, chăm sóc cháu, mà người trực tiếp chăm sóc cháu là mẹ ruột của chị T phải chăm sóc 2 người cháu (cháu Tranh và cháu H) còn nhỏ nên không thể chăm sóc cháu H tốt, gia đình chị T cũng khó khăn. Từ khi cháu H bị bệnh và được giao nuôi con thì anh K và gia đình anh K chăm sóc cháu H tốt vì gia đình anh K khá giả, có điều kiện vật chất ăn ở, sinh hoạt, điều kiện học tập, thời gian chăm sóc, dạy dỗ và giáo dục, tình cảm nhiều hơn.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc và môi trường cho cháu H phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, cần giao con chung tên Trương Gia H cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, phù hợp theo qui định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung anh K xét thấy anh đủ điều kiện, nên không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho anh K nghe nhưng anh vẫn giữ nguyên ý kiến. Do đó, ghi nhận anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Ngày 19/8/2020 chị T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, Đình chỉ giải quyết chia tài sản chung trong hôn nH giữa chị T và anh K.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh K thống nhất có nợ chị Trương Thị Quí A số tiền 17.500.000 đồng. Anh chị đã trả xong, ngoài ra không còn nợ ai khác. Chị Quí A không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Đối với tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung trong hôn nhân, do chị T rút yêu cầu chia tài sản chung nên hoàn trả lại. Án phí hôn nhân sơ thẩm chị T phải chịu theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nH và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị T được ly hôn với anh Trương Hoàng K.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Gia H, sinh ngày 23- 4- 2018 cho anh K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung trong hôn nH giữa chị Nguyễn Thị T với anh Trương Hoàng K.

4. Về nợ chung: Chị T và anh K đã trả cho chị Quí A xong, chị Quí không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nH đã nộp 675.000đ (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, hoàn trả lại cho chị T 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014294 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Anh Trương Hoàng K không phải chịu tiền án phí hôn nH sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T, anh K có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Mai